

# NHU CẦU THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT CỦA CÁC HỘ DÂN:

## NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH Ở CẨM XÁ, MỸ HÀO, HƯNG YÊN

Nguyễn Văn Song\*, Hoàng Thị Hằng, Đào Huy Toàn

*Công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào những năm gần đây còn nhiều bất cập. Trên cơ sở điều tra 84 hộ và sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (CVM), nghiên cứu đã nêu được thực trạng thu gom và xử lý CTRSH ở xã Cẩm Xá. Nghiên cứu đã xác định nhu cầu của các hộ dân cho công việc này. 75% số hộ mong muốn thu gom 3-4 lần/tuần và 95% số hộ mong muốn thời gian thu gom từ 15h30 đến 18h30 với mức sẵn lòng chi trả trong 6 tháng là 20.119 đồng/người. Một số yếu tố như thu nhập, nghề nghiệp, trình độ học vấn của người được phỏng vấn ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của các hộ. Từ quá trình khảo sát, nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và nâng cao hiệu quả cho công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.*

**Từ khóa:** Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH), hộ dân, nhu cầu, sẵn lòng chi trả.

Môi trường có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự tồn tại và phát triển của đời sống con người, sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, của dân tộc và nhân loại. Trong những năm đầu đổi mới, vì tập trung ưu tiên phát triển kinh tế và cũng một phần do nhận thức hạn chế nên việc gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường nước ta chưa có sự quan tâm đúng mức. Mỗi năm, có hơn 15 triệu tấn chất thải rắn phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau ở Việt Nam, trong đó có 80% là chất thải sinh hoạt (Đào Văn Đông, 2010). Khu vực nông thôn thải ra khoảng 6,35 triệu tấn rác sinh hoạt, tương đương trung bình mỗi người tạo ra 0,3kg/người/ngày (Đặng Kim Chi, 2011). Nhưng công tác thu gom ở khu vực nông thôn còn hạn chế, kinh phí hằng năm cho công tác bảo vệ môi trường còn thấp, không đủ cho xây dựng các mô hình thu gom rác thải. Để giải quyết vấn đề này, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa người dân và cơ quan chính quyền địa phương. Người dân là những người chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự ô nhiễm môi trường do việc thải rác sinh hoạt. Vì thế, cơ quan chức năng cần tìm hiểu mong muốn, nhu cầu, nguyện vọng của họ trong việc thu gom và xử lý rác thải. Từ đó có thể đưa ra các giải pháp phù hợp trong việc cải thiện

môi trường cho xã hội.

Trên cơ sở giả định có một môi trường được cải thiện, trong sạch, cảnh quan đẹp, dịch vụ môi trường tốt hơn, bài viết này nhằm đánh giá nhu cầu thu gom và xử lý CTRSH của các hộ dân tại khu vực nông thôn, nghiên cứu điển ở xã Cẩm Xá – Mỹ Hào – Hưng Yên.

Trong những năm vừa qua, tuy đã có một số nghiên cứu về môi trường tại huyện Mỹ Hào, nhưng hầu như chưa có nghiên cứu nào đi sâu nghiên cứu cụ thể về vấn đề thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ dân. Nghiên cứu này sẽ phân tích, đánh giá thực trạng, tìm hiểu nhu cầu về việc thu gom xử lý rác thải từ đó đưa ra một số giải pháp tăng cường và hoàn thiện công tác thu gom và xử lý CTRSH của các hộ dân.

### 1. Phương pháp nghiên cứu

#### 1.1. Chọn điểm nghiên cứu

Huyện Mỹ Hào trong những năm đầu thực hiện đổi mới nên có nhiều thay đổi đáng kể trên nhiều lĩnh vực. Vấn đề phát triển các khu công nghiệp và làng nghề như buôn bán phế liệu đã ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường mà chưa được quan tâm đúng mức. Báo cáo tổng kết xã Cẩm Xá (2011) cho

biết xã có 9666 nhân khẩu, 2694 hộ và có 8 thôn. Xã có diện tích tự nhiên là 891.43 ha, tổng giá trị sản xuất là 132.23 tỷ đồng (2011) và là xã nghèo nhất của huyện Mỹ Hòa. Hiện nay, việc thu gom và xử lý rác nơi đây còn nhiều bất cập và người dân chưa hài lòng với mức đóng góp cho dịch vụ môi trường này. Hàng ngày, người dân thải rác ra môi trường nhưng không được thu gom thường xuyên, sau đó rác thải cũng chỉ được xử lý bằng cách chôn lấp thành đống. Không chỉ ô nhiễm không khí, nước bề mặt chảy qua rác thải, thấm thấu vào đất gây ô nhiễm môi trường đất và nước nghiêm trọng, gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến sức khỏe con người trong khu vực.

### **1.2. Phương pháp thu thập số liệu**

Nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo kinh tế xã hội huyện Mỹ Hòa, phòng thống kê, phòng địa chính xã Cẩm Xá qua 3 năm, từ năm 2009 đến 2011. Nguồn số liệu sơ cấp được thu thập qua 84 mẫu điều tra, bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp được chuẩn bị từ mẫu phiếu điều tra đối với chủ hộ hoặc người có thu nhập trong hộ dân thuộc xã Cẩm Xá. Tài liệu thu thập qua các tiêu thức phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của người được điều tra như tuổi, giới tính, tình hình thu nhập, trình độ văn hóa, nghề nghiệp nhằm xác định những yếu tố này ảnh hưởng đến nhu cầu thu gom và xử lý CTRSH. Số liệu điều tra thông tin về tình hình môi trường và công tác thu gom và xử lý rác thải trong khu vực thông qua khảo sát trực tiếp từ cán bộ xã, cán bộ thôn xóm và các hộ gia đình.

### **1.3. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu**

Để phân tích và xử lý số liệu, các phương pháp nghiên cứu truyền thống được sử dụng như phương pháp định lượng bao gồm phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích so sánh; phương pháp định tính trong phần phỏng vấn và sử dụng bộ câu hỏi bằng cách xếp hạng, cho điểm. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp phân tích mô hình hồi quy để đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng như thế nào đến mức sẵn lòng chi trả cho việc thu gom và xử lý CTRSH.

### **1.3. Phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (CVM)**

Bên cạnh các phương pháp nghiên cứu truyền thống, nghiên cứu sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (Contingent Valuation Method – CVM). Phương pháp này sử dụng cách phỏng vấn và phát phiếu điều tra cho các gia đình tại địa điểm môi trường cần nghiên cứu nhằm tìm ra mức giá sẵn

lòng chi trả (Willingness To Pay - WTP) của người dân cho công việc cải tạo môi trường khu vực xã Cẩm Xá. Giả định môi trường được cải thiện tốt hơn do việc thu gom rác thải sinh hoạt thường xuyên, hợp lý, xây dựng được các khu xử lý rác thải, trồng thêm nhiều cây xanh, đường xá được cải thiện để sạch sẽ hơn,... thì mức sẵn lòng trả đó là bao nhiêu. Người được phỏng vấn sẽ được hiểu về quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia và đóng góp vào việc cải thiện chất lượng môi trường. Từ đó họ sẽ đưa ra được mức sẵn lòng chi trả cho việc giả định như trên. Kết hợp sử dụng phương pháp CVM với các lý thuyết kinh tế môi trường khác để tìm ra phương pháp phù hợp cho việc đánh giá lợi ích của người dân khi được hưởng hàng hoá, dịch vụ công cộng.

## **2. Kết quả và thảo luận**

### **2.1. Thực trạng môi trường và công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã Cẩm Xá**

Những năm gần đây, mặc dù có sự gia tăng dân số không cao nhưng do một lượng lớn rác thải sinh hoạt không được xử lý thường xuyên ngày càng tích tụ đã làm cho diện tích đất sử dụng của các hộ dân bị thu hẹp. Rác thải từ các hộ gia đình, các cửa hàng kinh doanh trong các khu chợ ven đường giao thông hầu hết chưa được thu gom và xử lý một cách hợp lý. 100% người dân không phân loại và xử lý rác tại nguồn. Phương tiện phục vụ cho công tác thu gom còn thô sơ, xe chở rác hầu hết xuất phát từ sự tự có từ các hộ gia đình như xe bò, xe kéo thô sơ. Với lượng chất thải rắn rất lớn phát sinh hàng ngày (trung bình lượng rác thải sinh hoạt là 2,6 tấn/ngày cùng với lượng lớn chất thải làng nghề) và việc thu gom rác thải không thường xuyên (trung bình 2 lần/tuần), rác thải nơi đây chưa qua xử lý mà được đổ thành đống, làm nơi sinh sống cho các vi sinh vật gây bệnh, kéo theo ruồi muỗi và mùi hôi thối gây ra ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường sống của người dân. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã chưa được đầu tư đúng mức làm cho những cống rãnh không thoát được nước tạo ra những cống rãnh bẩn, gây suy thoái môi trường và mất cảnh quan khu vực.

Theo điều tra cho thấy, hơn nửa số người được phỏng vấn đã nhận thức được môi trường khu vực ngày càng bị ô nhiễm (trong đó có 16% số hộ cho rằng môi trường rất bị ô nhiễm). Người dân cho rằng cảnh quan khu vực ngày càng xấu đi, thực trạng về rác thải chưa được thu gom và thu gom không triệt để đang tạo ra sự ô nhiễm nặng nề ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của họ. Hiện nay chất

**Bảng 1. Cầu của người dân về tần suất thu gom CTRSH**

Tần suất (số lần/tuần)	Số hộ	Ti lệ (%)
1	1	1,25
2	9	11,25
3	34	42,50
4	26	32,50
5	4	5,00
6	2	2,50
7	4	5,00
<b>Tổng</b>	<b>80</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra các hộ dân, 2012)

thải sinh hoạt nói chung và CTRSH nói riêng chưa được cơ quan nào thu gom và xử lý theo đúng tiêu chuẩn.

### 2.2. Cầu thu gom và xử lý CTRSH của các hộ dân

Theo tổng hợp và phân tích số liệu điều tra, trong tổng số 84 hộ gia đình được phỏng vấn có 80 hộ chiếm 95% đồng ý sẵn lòng chi trả cho việc thu gom và xử lý rác thải. Các hộ không đồng ý chi trả đều

nằm trong nhóm hộ có thu nhập thấp (700.000 – 900.000 đồng/tháng), trình độ văn hóa đều dưới trung học phổ thông và lý do làm cho 100 % số hộ gia đình trả lời “không đồng ý sẵn lòng chi trả” là họ không cần mất tiền đóng góp cho việc thu gom và xử lý rác thải vì gia đình có thể tự xử lý chất thải (hay họ cho rằng lượng thải từ gia đình rất ít sẽ không ảnh hưởng gì đến môi trường).

Kết quả tổng hợp ở bảng 1 cho thấy, số hộ mong

**Bảng 2. Cầu của người dân về thời gian thu gom CTRSH**

Thời gian thu gom	Số hộ	Ti lệ (%)
8h00 - 10h00	3	3,75
14h00 – 16h00	1	1,25
16h00 – 18h00	76	95,00
<b>Tổng</b>	<b>80</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra các hộ dân, 2012

**Bảng 3. Ý kiến của người dân về mục đích sử dụng nguồn thu từ phí vệ sinh**

Mục đích cụ thể	Số hộ	Tỷ lệ (%)
- Hỗ trợ hoạt động đội thu gom và xử lý rác thải	65	77,38
- Xây dựng khu tập kết, xử lý rác thải	6	7,50
- Làm đẹp cảnh quan môi trường	9	11,25
- Lý do khác	0	0
<b>Tổng</b>	<b>80</b>	<b>100</b>

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra các hộ dân, 2012

**Bảng 4. Hình thức chi trả của người dân tại xã Cẩm Xá**

Hình thức chi trả	Số hộ	Tỷ lệ (%)
- Trực tiếp cho xí nghiệp vệ sinh môi trường	16	19,05
- Trực tiếp cho công nhân thu gom	9	10,71
- Chi trả qua trưởng thôn hoặc UBND xã	55	65,48
Tổng số	80	100,00

Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra các hộ dân, 2012

muốn rác được thu gom từ 3-4 lần/tuần chiếm tỉ lệ khá cao (75%). Các hộ cho rằng, rác nơi đây không được thu gom thường xuyên (trung bình 2 lần/tuần). Đặc biệt, khi bận vụ mùa, công nhân thu gom có thể để đến 2 tuần mới đi thu gom khiến cho rác thải nơi đây bừa bãi và bị bốc mùi rất khó chịu.

Qua nghiên cứu cầu của người dân tại xã Cẩm Xá về thời gian thu gom, họ mong muốn rằng công nhân sẽ thu gom vào khoảng thời gian từ 16h00 đến 18h00 với lý do họ thường vắng mặt vào ban ngày. Khung thời gian trên cũng là thời gian họ dọn dẹp rác phát sinh trong ngày và vệ sinh viên cũng thuận lợi trong việc thu gom và chở rác đến nơi quy định. Mặc dù vậy, do lượng vệ sinh viên còn thiếu, nên nếu chỉ áp dụng khung giờ trên để thu gom rác thì sẽ không đảm bảo nhu cầu của người dân.

Kết quả thể hiện ở bảng 3 cho thấy, trong tổng số 80 hộ đồng ý sẵn lòng chi trả có 65 hộ chiếm tỷ lệ 77% muốn đóng góp tiền để hỗ trợ hoạt động của đội vệ sinh thu gom và xử lý rác thải. Họ cho rằng: “lương của công nhân viên quá thấp khiến họ không thật sự nhiệt tình trong công việc”. Kết quả quá trình điều tra cho thấy rằng, lương của công nhân viên làm công việc thu gom và vận chuyển đến các bãi rác của thôn chỉ 350.000/người/tháng. Hơn nữa, công nhân viên được ưu tiên lựa chọn tại xã Cẩm Xá hầu hết là những người đã nghỉ hưu hoặc những người tranh thủ thời gian rảnh rỗi mùa vụ nông nghiệp. Vì thế, khi vụ mùa bận rộn, việc thu gom rác thải cũng bị ảnh hưởng và lượng rác tồn đọng trong thời gian này cũng nhiều hơn.

Trong 15 hộ được phỏng vấn còn lại, có 6 hộ

**Bảng 5. Kết quả hồi quy hàm WTP phụ thuộc vào các biến giải thích**

Các biến	Hệ số tương quan	Giá trị P (P- value)
C	3,170	0,397 <sup>ns</sup>
LnA	-0,074	0,336 <sup>ns</sup>
S	0,201	0,875 <sup>ns</sup>
Edu	2,738	0,003 <sup>***</sup>
I	2,562	4,48E-06 <sup>***</sup>
Ev	4,511	9,29E-05 <sup>***</sup>
F-kđ	32,98	
R <sup>2</sup>	0,6902	
R <sup>2</sup> điều chỉnh	0,6693	

Nguồn: Phân tích từ số liệu điều tra các hộ dân, 2012

\*\*\*; \*\*; \*; ns: có ý nghĩa thống kê tại mức tin cậy là 99%, 95%, 90% và không có ý nghĩa thống kê tương ứng.

WTP: Mức sẵn lòng chi trả cho dịch vụ thu gom và xử lý CTRSH; A: Biến tuổi của đối tượng phỏng vấn; S: Biến giới tính; Ed: Biến trình độ học vấn (đơn vị: số năm đi học); I: Biến thu nhập (đơn vị: triệu đồng); Ev: Biến đánh giá về hiệu quả công tác thu gom và xử lý chất thải rắn hiện tại.

muốn sử dụng nguồn thu này để xây dựng khu tập kết, xử lý rác thải, đầu tư cơ sở vật chất tạo điều kiện cho việc thu gom rác được dễ dàng như đặt các thùng rác tại các đường làng và khu phố để họ được hưởng không khí trong lành, cảnh quan của khu vực được đẹp hơn. Bên cạnh đó, có 9 hộ muốn sử dụng nguồn thu trên để làm đẹp cảnh quan. Như vậy dù lý do nào thì nhân dân ở xã Cẩm Xá rất quan tâm đến vấn đề rác thải và mong muốn được sống trong một môi trường trong lành, sạch sẽ.

Kết quả tổng hợp về hình thức chi trả cho thấy người dân mong muốn nhất là đóng góp cho trường thôn hay UBND xã chiếm 65,48% và thấp nhất là hình thức đóng góp đóng góp trực tiếp công nhân thu gom chỉ chiếm 10,71%. Theo họ, việc đóng góp cho hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn cần đóng trường thôn, hoặc UBND xã. Họ có thể đóng phí này cùng với việc đóng thuế. Từ đó, việc đóng tiền đơn giản, nhanh chóng, đóng một lần không rườm rà. Bên cạnh đó, UBND đóng vai trò kiểm tra, đôn đốc hoạt động của xí nghiệp môi trường. Do đó những khoản tiền đóng góp sẽ được sử dụng đúng mục đích và hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường.

### 2.3. Phân tích các yếu tố về kinh tế, xã hội ảnh hưởng tới nhu cầu thu gom, xử lý CTRSH

#### 2.3.1. Mô hình hồi quy mức sẵn lòng chi trả để xử lý ô nhiễm tại xã Cẩm Xá

Từ bảng kết quả hồi quy ta viết được phương trình tuyến tính sau:

$$WTP = 3,170 - 0,074 LnA + 0,201 S + 2,738 Ed + 2,562 I + 4,511 Ev$$

Trình độ học vấn, thu nhập và mức đánh giá về hiệu quả công tác thu gom và xử lý rác thải là ba yếu tố chính ảnh hưởng lớn đến mức sẵn lòng chi trả của các hộ. Hệ số của ba biến này có ý nghĩa thống kê

tại mức độ tin cậy đều là 99%.

Từ kết quả điều tra, nghiên cứu xây dựng được hình 1 mô tả mức sẵn lòng chi trả của các hộ gia đình.

Kết quả nghiên cứu xác định được mức WTP bình quân của hộ gia đình để thu gom và xử lý rác thải tại xã Cẩm Xá là: 20.119 (đồng/người/6 tháng), trong đó mức WTP bình quân của các hộ bằng lòng chi trả là 21.125 (đồng/người/6 tháng). Như vậy, nếu tất cả các yếu tố làm hạn chế công tác thu gom và xử lý rác thải được khắc phục, tổng quỹ của người dân trong 6 tháng cho công việc này tại xã Cẩm Xá được xác định là 194.470.254 đồng.

#### 2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới mức bằng lòng chi trả cho công tác thu gom và xử lý CTRSH

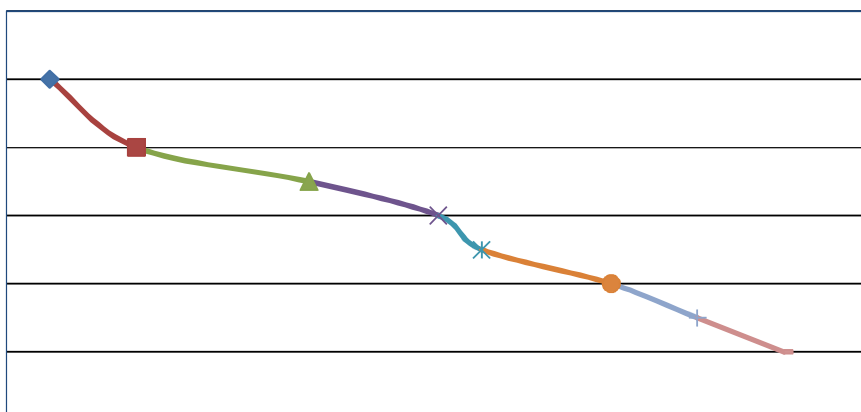
##### a. Yếu tố thu nhập

Qua điều tra thấy rằng thu nhập ngày càng tăng thì nhu cầu về chất lượng môi trường ngày càng tăng. Người có thu nhập cao sẽ có xu hướng sẵn lòng trả cao hơn cho chất lượng dịch vụ môi trường. Điều này có nghĩa là những người thu nhập cao luôn muốn sống trong môi trường sạch đẹp, không khí trong lành, khi đó nhận thức về tầm quan trọng và giá trị của môi trường đến mọi mặt của đời sống ngày càng tăng do nhu cầu tiêu dùng dịch vụ chất lượng môi trường tăng. Mặt khác, việc chi trả thấp cho dịch vụ môi trường của những người có thu nhập thấp không có nghĩa là họ không có nhu cầu về dịch vụ môi trường chất lượng cao.

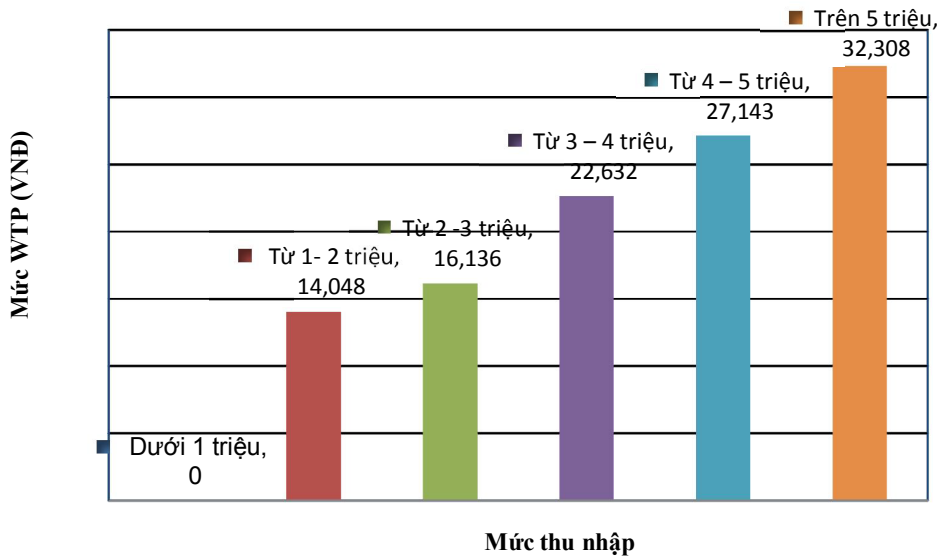
##### b. Yếu tố nghề nghiệp

Mức WTP trung bình của những người làm việc trong khu vực nhà nước đạt 33.000 đồng/6 tháng cao hơn mức WTP trung bình của các hộ được điều tra. Nông dân có mức WTP trung bình nhỏ nhất, với thu nhập và dân trí thấp, họ ít quan tâm đến vấn đề

Hình 1. Mức sẵn lòng chi trả của các hộ/6 tháng



**Hình 2. Mối quan hệ giữa mức thu nhập với mức WTP**



môi trường. Những người sản xuất nhỏ và ngành nghề khác thì lại có mức WTP trung bình tương đối cao do họ được sự quản lý và chủ trương trực tiếp từ các cấp, các ngành và chính quyền địa phương. Điều này cho thấy yếu tố nghề nghiệp là một trong các yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới mức sẵn lòng chi trả cho công tác quản lý và xử lý chất thải.

**c. Yếu tố trình độ học vấn**

Mối quan hệ giữa trình độ học vấn và mức WTP cho việc thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ dân cho kết quả ở hình 4.

Nghiên cứu cho thấy trình độ học vấn có ảnh hưởng nhất định đến mức WTP, với các yếu tố khác không đổi, trình độ học vấn có quan hệ tỷ lệ thuận với mức WTP. Ý thức bảo vệ môi trường, mong muốn có môi trường xanh, sạch đẹp là tùy vào nhận thức, trình độ của mỗi người dân. Bên cạnh đó có

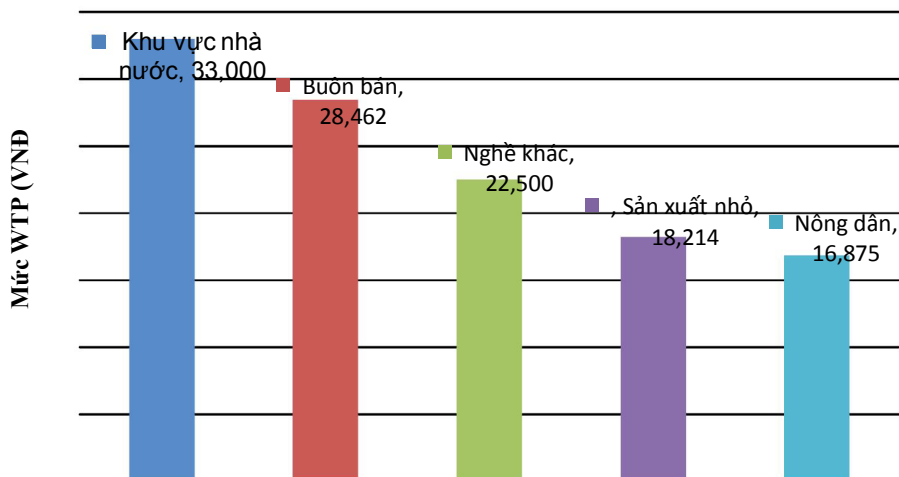
thể thấy, trình độ học vấn có liên quan tới thu nhập của người dân từ đó ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả về hàng hóa dịch vụ môi trường.

**2.4. Giải pháp nhằm tăng cường và hoàn thiện công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân**

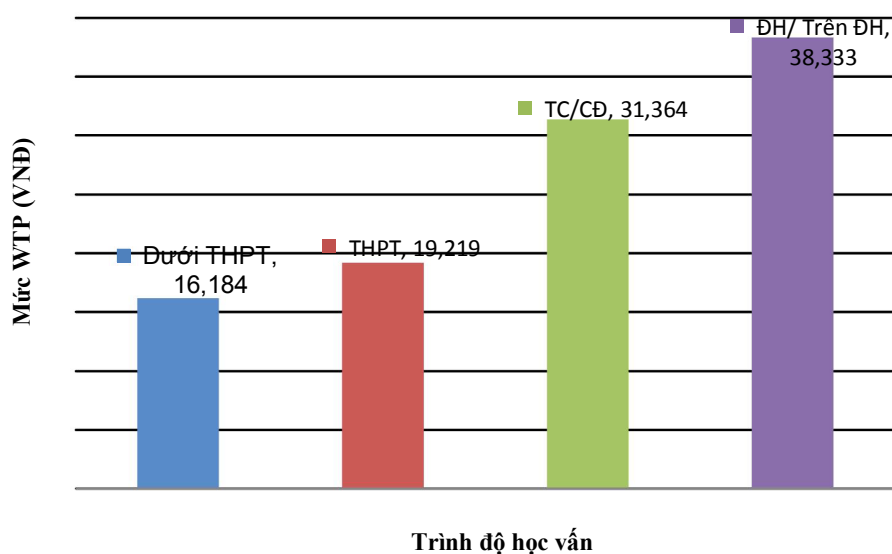
**2.4.1. Giải pháp nâng cao nhận thức cộng đồng**

Kết quả điều tra cho thấy trong 84 hộ phỏng vấn có 4 hộ không đồng ý chi trả cho dịch vụ môi trường vì họ cho rằng rác thải của họ khi thải ra không ảnh hưởng gì đến môi trường. Có 33% số hộ cho rằng việc phân loại rác là không quan trọng. Vì thế cần nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề bảo vệ môi trường thông qua các hình thức tuyên truyền khác nhau như: cung cấp các kiến thức về rác thải, ảnh hưởng của rác thải đến môi trường, cuộc sống của người dân thông qua hệ thống pano, áp phích,

**Hình 3. Mối quan hệ giữa nghề nghiệp với mức WTP**



**Hình 4. Mối quan hệ giữa trình độ học vấn với mức WTP**



bằng rôn, phát thanh của địa phương. Bên cạnh đó cần tổ chức các buổi tập huấn, thảo luận nhằm nâng cao nhận thức và kỹ thuật xử lý rác cho cán bộ và nhân dân địa phương; lồng ghép tuyên truyền về ý thức vệ sinh môi trường vào các hoạt động của thôn, xóm như các buổi họp xóm, họp thôn.

#### 2.4.2. Xây dựng hệ thống thu gom quản lý rác thải phù hợp với điều kiện địa phương

Như đã nêu trên, hiện nay ở xã Cẩm Xá chưa có đơn vị nào cung cấp các dịch vụ thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn. UBND huyện Mỹ Hào cần hoạt động theo yêu cầu của UBND tỉnh Hưng Yên, có hợp đồng với một công ty môi trường để việc thu gom và xử lý chất thải mang tính chuyên nghiệp và lâu dài hơn. Chính quyền xã sẽ đứng ra thu phí vệ sinh cùng các loại phí khác cho các hộ dân để tránh các thủ tục rườm rà, và nguồn thu này sẽ sử dụng để chi trả cho hoạt động thu gom và xử lý rác thải. Thông thường, mỗi thôn sẽ có khoảng 1-2 điểm đặt thùng rác thu gom tập kết. Rác sinh hoạt từ các hộ gia đình được đổ hàng ngày vào mỗi buổi chiều. Theo như nghiên cứu, khung giờ thu gom rác người dân mong muốn là 16h00 đến 18h00. Tuy nhiên, do tính thời vụ của công việc, vệ sinh viên còn thiếu, nên khung giờ trên không đáp ứng được nhu cầu của người dân. Vì thế, với tần suất thu gom từ 3-4 lần/tuần, có thể kéo dài thời gian thu gom rác thải từ 15h30 đến 18h30.

Khi phân loại rác tại nguồn, khối lượng rác chôn vùi bãi rác sẽ giảm khá nhiều, đồng thời tăng hiệu quả kinh tế do giảm chi phí xử lý rác, tái sử dụng nhiều sản phẩm từ rác tái chế và giảm thiểu nguy cơ

ô nhiễm môi trường. Hơn nữa, xã cần thành lập đội công nhân thu gom, nếu có thể nên linh hoạt tận dụng nguồn nhân lực nhân rỗi tại xã để tiến hành công việc thu gom. Bên cạnh đó, Chính quyền địa phương cần bố trí diện tích đất, vị trí chứa phế thải để người dân tập trung đổ rác đúng nơi nhằm thuận tiện trong công tác thu gom rác của xã Cẩm Xá.

#### 2.4.3. Xây dựng quy định về quản lý bảo vệ môi trường

Theo kết quả nghiên cứu, có 19% số hộ người dân chưa có ý thức trong việc bảo vệ môi trường, người dân vẫn có những hành động gây ô nhiễm môi trường là do không có quy định xử phạt cụ thể đối với những hành động gây ô nhiễm. Vì thế cần đưa ra các quy chế, quy định, khung xử phạt cụ thể cho các hành động gây ô nhiễm. Chính quyền địa phương cần tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm kịp thời nhằm nâng cao ý thức người dân, tránh tái phạm nhằm tạo ra một môi trường sạch đẹp và bền vững.

### 3. Kết luận

Môi trường ngày càng bị ô nhiễm nghiêm trọng do có một lượng lớn rác thải sinh hoạt của các hộ dân thải ra và có nhiều bất cập trong việc thu gom và xử lý CTRSH.

Từ kết quả điều tra, hàng ngày có 2,6 tấn rác thải từ các hộ gia đình thải ra môi trường. 100% rác thải không được phân loại và chôn đến các bãi chôn lấp gây mất mỹ quan và gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Nghiên cứu nhu cầu thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ cho thấy, 75% số hộ mong muốn thu gom 3-4 lần/tuần và 95% số hộ mong muốn thu gom vào lúc 16h00 đến 18h00 hàng ngày. Tuy nhiên do lượng vệ sinh viên còn thiếu nên có thể kéo dài thời gian thu gom từ 15h30 đến 18h30. Các hộ mong muốn sử dụng quỹ cho công tác thu gom và xử lý rác và đóng cho dịch vụ môi trường thông qua chính quyền địa phương.

Nghiên cứu cũng đã xác định được mức sẵn lòng chi trả cho việc thu gom và xử lý rác thải ở địa phương là 20.119 đồng/người/6 tháng. Như vậy, nếu tất cả các yếu tố làm hạn chế công tác thu gom và xử lý rác thải được khắc phục, tổng quỹ của người dân trong 6 tháng cho công việc này tại xã Cẩm Xá được xác định là 194.470.254 đồng.

Sử dụng các số liệu đã thu thập phân tích, ước lượng được mô hình hồi quy tuyến tính theo các yếu tố: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, thu nhập và mức đánh giá hiệu quả hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu phân

tích một số yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa tới mức sẵn lòng chi trả như thu nhập, trình độ học vấn, nghề nghiệp.

Để khắc phục tình trạng rác thải gây ô nhiễm môi trường và làm mất cảnh quan trong khu vực nghiên cứu ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe người dân, bài viết đã đưa ra các giải pháp: Một là, chính quyền địa phương có các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng bao gồm cả cán bộ và người dân thông qua các hình thức tuyên truyền hoặc các buổi tập huấn. Hai là, xây dựng hệ thống thu gom quản lý rác thải phù hợp với điều kiện địa phương như thời gian thu gom rác nên kéo dài hơn, tận dụng nhân công nhàn rỗi để thành lập đội thu gom, việc thu phí nên thông qua chính quyền xã và nguồn thu này sử dụng để chi trả cho hoạt động thu gom và xử lý rác thải. Ba là, xây dựng quy định về quản lý bảo vệ môi trường, tăng cường kiểm tra, tránh tái phạm. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

UBND xã Cẩm Xá, *Báo cáo tổng kết 3 năm 2009-2011 xã Cẩm Xá*, huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên.

Đặng Kim Chi (2011), *Chất thải rắn nông thôn, nông nghiệp và làng nghề thực trạng và giải pháp*, Tổng cục môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đào Văn Đông và cộng sự (2010), *Định hướng sử dụng một số chất thải rắn trong các ứng dụng xây dựng*, Viện Khoa học và công nghệ xây dựng giao thông, Trường Đại học Giao thông vận tải.

### **Collecting and processing residential solid waste: a case study in Cam Xa commune, My Hao district, Hung Yen province**

#### *Abstract:*

*In recent years, there are many shortcomings in the collection and treatment of residential solid waste (RSW) in Cam Xa commune, My Hao district. Local people are not willing to pay at current price for the contribution of those works. Based on survey data of 84 households, using contingent valuation method (CVM), the study indicated the RSW collection and treatment status in Cam Xa commune such as the garbages are infrequently collected, and 100% unsorted waste. Hence, this research identified the household's demand for the collection and treatment. Seventy-five percent (75%) of households wants garbages are collected 3 - 4 times/per week, and 95% of them wants that the schedule of collecting is from 3.30pm to 6.30pm. The study also identified the willingness to pay (WTP) for RSW collection and treatment in 6 months is 20,119 VND/per capita, and the total fund was estimated at 194,470,254 VND/6 months. The analytical results showed that key factors such as: income, occupation, education level of interviewee affected the level of WTP of households. By the observation, the study also proposed solutions to the environmental pollution and improving the efficiency for the RSW collection and treatment in Cam Xa commune.*

---

#### **Thông tin đại diện nhóm tác giả:**

\***Nguyễn Văn Song**, Phó giáo sư, tiến sĩ

Nơi công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Email: nguyensonghua@gmail.com